

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/02/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân
2. Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 472/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2019, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thạnh 1, xã Lê Chánh, Thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Địa chỉ liên lạc: Khu lưu trú công nhân - công ty FAPU đường 14-16 KCXTT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thành H, sinh năm 1992

Địa chỉ: 19/17/17 Lý Đạo Thành, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà G và ông Trần Thành H sống chung năm 2015 có đăng ký kết hôn số 28 ngày

20/4/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống không hạnh phúc do không hợp tính tình và cách sống, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Thành H. Quá trình chung sống vợ chồng bà G và ông H có một con chung tên Trần Nguyễn HY, sinh ngày 01/10/2015. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng ông H và bà G không có tài sản chung và không có nợ chung. Về án phí dân sự sơ thẩm bà G xin chịu toàn bộ.

* Bị đơn ông Trần Thành H vắng mặt nên không thu được tự khai cũng như không hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ pháp luật, không có vi phạm tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của bà Nguyễn Thị G thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà G và ông H.

[3]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Trần Thành H sống chung năm 2015 có đăng ký kết hôn số 28 ngày 20/4/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận S, Thành phố H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà G và ông H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không có mặt. Bà G xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, bà G không còn tình cảm với ông H, không thể kéo dài đời sống chung nên cương quyết xin ly hôn. Bản thân ông H cũng không đến tòa để giải quyết quan hệ hôn nhân với bà chứng tỏ ông H không tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với bà G. Có cơ sở xác định cuộc sống gia đình của ông H và bà G không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn ông Trần Thành H của bà G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy ông H và bà G có một con chung tên Trần Nguyễn HY, sinh ngày 01/10/2015. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ. Xét tình trạng thực tế hiện nay con chung đang sống chung với bà G vì vậy tiếp tục giao con chung cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét bà G không có yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H đến khi bà G có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G tự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị G và ông Trần Thành H :

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị G:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Trần Thành H .

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi một con chung tên Trần Nguyễn HY, sinh ngày 01/10/2015. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Thành H đến khi bà G có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp phí tồn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị G phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0019569 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà Nguyễn Thị G và ông Trần Thành H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- UBND phường G, quận S,
Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hòa